

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê An Khang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên
	Ông Trần Đình Lợi	Thành viên
	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên
	Ông Hà Nguyên Hoàng	Thành viên

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Hàn Phi Hải	Trưởng ban
	Bà Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên
	Ông Vũ Xuân Bình	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
---------------------	----------------------	----------

<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Lê An Khang	Chủ tịch
--------------------------------------	-----------------	----------

<b>Trụ sở chính</b>	Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
---------------------	---

<b>Đơn vị kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
-------------------------	-----------------------------

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

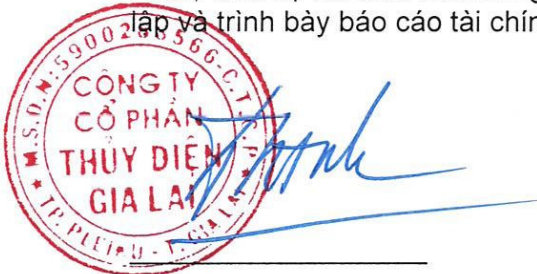
Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2017

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017, và được Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2017. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng được công ty kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần ngày 10 tháng 8 năm 2016.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**



Mai Việt Hùng Trân  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2017-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM6396  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	1.1.2017 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>122.685.990.120</b>	<b>112.755.773.050</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>43.508.765.562</b>	<b>20.757.627.323</b>
111	Tiền		1.008.765.562	257.627.323
112	Các khoản tương đương tiền		42.500.000.000	20.500.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>76.633.441.813</b>	<b>89.641.834.509</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		32.704.612.421	45.576.299.046
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	43.294.000.000	340.500.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	634.829.392	43.725.035.463
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	6	<b>2.512.513.934</b>	<b>2.285.325.182</b>
141	Hàng tồn kho		2.512.513.934	2.285.325.182
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>31.268.811</b>	<b>70.986.036</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.379.249	63.614.342
152	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10(b)	29.889.562	7.371.694
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>238.504.314.597</b>	<b>250.085.598.712</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>225.493.115.996</b>	<b>237.098.194.617</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	224.059.841.671	235.660.604.942
222	Nguyên giá		392.577.796.797	394.231.384.979
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(168.517.955.126)	(158.570.780.037)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	1.433.274.325	1.437.589.675
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.695.675)	(55.380.325)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>108.764.881</b>	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		108.764.881	-
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	8	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.100.000.000</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	12.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	100.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>902.433.720</b>	<b>887.404.095</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		902.433.720	887.404.095
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>361.190.304.717</b>	<b>362.841.371.762</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	1.1.2017 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>35.307.958.898</b>	<b>65.231.083.808</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>35.307.958.898</b>	<b>65.231.083.808</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	550.769.745	822.573.050
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	10(a)	4.925.952.455	7.861.234.950
314	Phải trả người lao động		138.722.086	1.143.796.852
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	18.500.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	11	23.930.172.659	48.836.478.414
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12	5.762.341.953	6.548.500.542
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>325.882.345.819</b>	<b>297.610.287.954</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>325.882.345.819</b>	<b>297.610.287.954</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	13, 14	205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	13	205.000.000.000	205.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	14	52.499.670.000	52.499.670.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	14	32.341.365.350	28.883.472.879
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	14	36.041.310.469	11.227.145.075
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.619.252.604	877.188.123
421b	- LNST chưa phân phối trong kỳ/năm nay		34.422.057.865	10.349.956.952
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>361.190.304.717</b>	<b>362.841.371.762</b>



Võ Thị Tuyết Điệp  
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30.6.2017 VND	30.6.2016 VND	
01	Doanh thu bán hàng	17	73.431.058.108	35.417.229.307
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)		73.431.058.108	35.417.229.307
11	Giá vốn hàng bán	18	20.691.815.362	15.046.617.144
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)		52.739.242.746	20.370.612.163
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.452.348.278	5.890.022.103
22	Chi phí tài chính		-	1.841.884.231
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	1.841.884.231
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	1.552.191.629	1.779.786.707
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + 21 - 22 - 26		52.639.399.395	22.638.963.328
31	Thu nhập khác		364.238.277	73.574.977
32	Chi phí khác		47.945.295	185.541.888
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)		316.292.982	(111.966.911)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		52.955.692.377	22.526.996.417
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	4.183.634.512	2.294.648.576
52	Thuế TNDN hoãn lại	21	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		48.772.057.865	20.232.347.841
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	2.379	987
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15	2.379	987



Võ Thị Tuyết Điệp  
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>52.955.692.377</b>	<b>22.526.996.417</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	11.198.571.603	11.173.527.273
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(5.937.165)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.755.841.260)	(5.883.335.850)
06	Chi phí lãi vay	-	1.841.884.231
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>62.398.422.720</b>	<b>29.653.134.906</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(30.322.521.243)	(830.529.690)
10	Tăng hàng tồn kho	(227.188.752)	(190.109.500)
11	Giảm các khoản phải trả	(3.293.797.067)	(645.037.554)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	47.205.468	(79.962.609)
14	Tiền lãi vay đã trả	-	(1.795.231.508)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.557.918.115)	(3.563.633.349)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.000.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(786.158.589)	(1.820.417.066)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>22.278.044.422</b>	<b>20.728.213.630</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(108.764.881)	(1.285.606.513)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	710.000.000	-
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	43.283.562.000	-
27	Thu lãi tiền gửi	1.557.182.349	1.140.691.406
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>45.441.979.468</b>	<b>(144.915.107)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(10.371.134.144)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	(44.968.885.651)	(60.904.938.503)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(44.968.885.651)</b>	<b>(71.276.072.647)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>22.751.138.239</b>	<b>(50.692.774.124)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>3 20.757.627.323</b>	<b>67.095.462.041</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>43.508.765.562</b>	<b>16.402.687.917</b>

  
 Võ Thị Tuyết Điệp  
 Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh  
 Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002. Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 45 nhân viên (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017: 47 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hay “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.7 Đầu tư****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Đầu tư (tiếp theo)****(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Khác	3 - 25 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 43 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Vốn cổ phần**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

**2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt nam có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty phân chia lợi nhuận thuần như sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

**(c) Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.17 Ghi nhận doanh thu**

#### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

#### **(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

### **2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### **2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

### **2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.22 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**2.24 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30.6.2017</b>	<b>1.1.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	20.551.245	6.694.684
Tiền gửi ngân hàng	988.214.317	250.932.639
Các khoản tương đương tiền (*)	42.500.000.000	20.500.000.000
	<u>43.508.765.562</u>	<u>20.757.627.323</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2017</b>	<b>1.1.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba	294.000.000	340.500.000
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	43.000.000.000	-
	<u>43.294.000.000</u>	<u>340.500.000</u>

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2017</b>		<b>1.1.2017</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự</b>
	<b>VND</b>	<b>phòng</b>	<b>VND</b>	<b>phòng</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	44.819.825	-	43.445.947.840	-
Tạm ứng nhân viên	370.092.900	-	171.902.900	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	180.875.000	-	102.184.723	-
Khác	39.041.667	-	5.000.000	-
	<u>634.829.392</u>	<u>-</u>	<u>43.725.035.463</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

**6 HÀNG TỒN KHO**

	<b>30.6.2017</b>	<b>1.1.2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	612.755.644	399.712.530
Công cụ, dụng cụ	1.899.758.290	1.885.612.652
	<u>2.512.513.934</u>	<u>2.285.325.182</u>

## 7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

## (a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tài vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	193.478.121.738	156.024.338.264	4.903.660.391	161.650.000	39.663.614.586	<b>394.231.384.979</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.653.588.182)	-	-	<b>(1.653.588.182)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>193.478.121.738</u>	<u>156.024.338.264</u>	<u>3.250.072.209</u>	<u>161.650.000</u>	<u>39.663.614.586</u>	<b><u>392.577.796.797</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	73.029.354.580	62.828.044.931	1.796.108.145	34.712.280	20.882.560.101	<b>158.570.780.037</b>
Khấu hao trong kỳ	4.929.989.040	4.548.970.626	201.365.042	14.102.502	1.499.829.043	<b>11.194.256.253</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.247.081.164)	-	-	<b>(1.247.081.164)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>77.959.343.620</u>	<u>67.377.015.557</u>	<u>750.392.023</u>	<u>48.814.782</u>	<u>22.382.389.144</u>	<b><u>168.517.955.126</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>120.448.767.158</u>	<u>93.196.293.333</u>	<u>3.107.552.246</u>	<u>126.937.720</u>	<u>18.781.054.485</u>	<b><u>235.660.604.942</u></b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>115.518.778.118</u>	<u>88.647.322.707</u>	<u>2.499.680.186</u>	<u>112.835.218</u>	<u>17.281.225.442</u>	<b><u>224.059.841.671</u></b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 121,3 triệu đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017: 0 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 7(b)) liên quan đến dự án thủy điện H'Chan và H'Mun với tổng giá trị còn lại là 224 tỷ đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017: 236 tỷ đồng) để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty nhưng chưa giải ngân, và dùng để đảm bảo bổ sung tài sản thế chấp cho các khoản vay của bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a - DN

**7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)****(b) Tài sản cố định vô hình****Quyền sử dụng đất  
VND****Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.492.970.000
---	---------------

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	55.380.325
Khấu hao trong kỳ	4.315.350

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	59.695.675
------------------------------	------------

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.437.589.675
-----------------------------	---------------

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.433.274.325
------------------------------	---------------

**8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>30.6.2017</b>		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ (*)	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Công ty TNHH GKC	-	-	-
	12.000.000.000	-	12.000.000.000
	<b>1.1.2017</b>		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ (*)	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Công ty TNHH GKC	100.000.000	-	100.000.000
	12.100.000.000	-	12.100.000.000

(\*) Công ty sở hữu 30% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (“Thượng Lộ”), một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. Hoạt động chính của Thượng Lộ là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>1.1.2017</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	111.569.745	73.443.050
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	439.200.000	749.130.000
	<u>550.769.745</u>	<u>822.573.050</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn.

**10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC****(a) Phải nộp**

	<b>Tại ngày</b> <b>1.1.2017</b> <b>VND</b>	<b>Số phải nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số thực nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số cân trừ</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>30.6.2017</b> <b>VND</b>
Thuế TNDN hiện hành	4.168.544.735	4.183.634.512	5.557.918.115	-	2.794.261.132
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.149.337.644	7.418.180.342	7.887.560.133	244.882.033	1.435.075.820
Thuế tài nguyên	1.543.352.571	3.115.098.347	3.961.835.415	-	696.615.503
	<u>7.861.234.950</u>	<u>14.716.913.201</u>	<u>17.407.313.663</u>	<u>244.882.033</u>	<u>4.925.952.455</u>

**(b) Phải thu**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước chủ yếu bao gồm tiền thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**11 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>1.1.2017</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 16)	22.953.792.601	47.422.678.252
Phí bảo vệ môi trường rừng	426.138.440	1.066.992.880
Khác	550.241.618	346.807.282
	<u>23.930.172.659</u>	<u>48.836.478.414</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	12.624.467.709	27.585.125.800
Bên thứ ba	11.305.704.950	21.251.352.614
	<u>23.930.172.659</u>	<u>48.836.478.414</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn nào bị quá hạn.

**12 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>1.1.2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	6.548.500.542	3.616.589.762
Tăng	-	5.011.552.446
Sử dụng trong kỳ/năm	786.158.589	2.079.641.666
	<u>5.762.341.953</u>	<u>6.548.500.542</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**13 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>30.6.2017</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>	<b>1.1.2017</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

**(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	20.500.000	205.000.000.000	205.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	20.500.000	205.000.000.000	205.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**Mẫu số B 09a – DN**

**14 TÌNH HÌNH TẶNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	7.555.848.098	<b>293.938.990.977</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	69.157.849.423	<b>69.157.849.423</b>
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(60.475.000.000)	<b>(60.475.000.000)</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.011.552.446)	<b>(5.011.552.446)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	11.227.145.075	<b>297.610.287.954</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	48.772.057.865	<b>48.772.057.865</b>
Chia cổ tức (Thuyết minh 16) (*)	-	-	-	(20.500.000.000)	<b>(20.500.000.000)</b>
Trích quỹ đầu tư và phát triển (**)	-	-	3.457.892.471	(3.457.892.471)	<b>-</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	205.000.000.000	52.499.670.000	32.341.365.350	36.041.310.469	<b>325.882.345.819</b>

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 ("Nghị quyết 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ") và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2017 về việc chi cổ tức còn lại của năm 2016 với tỷ lệ 3% và tạm ứng 7% cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt.

(\*\*) Thực hiện theo Nghị quyết 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**15 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	48.772.057.865	20.232.347.840
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến (VND) (*)	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>48.772.057.865</u>	<u>20.232.347.840</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>20.500.000</u>	<u>20.500.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u><u>2.379</u></u>	<u><u>987</u></u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận của Công ty.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**16 CỔ TỨC**

	30.6.2017 VND	1.1.2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	47.422.678.252	58.013.812.255
Cổ tức phải trả trong kỳ/năm (Thuyết minh 14)	20.500.000.000	60.475.000.000
Cổ tức đã chi trả	<u>44.968.885.651</u>	<u>71.066.134.003</u>
Số dư cuối kỳ/năm (Thuyết minh 11)	<u><u>22.953.792.601</u></u>	<u><u>47.422.678.252</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Mẫu số B 09a – DN

**17 DOANH THU BÁN HÀNG**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
	VND	VND
Doanh thu bán điện	73.431.058.108	35.417.229.307

**18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
	VND	VND
Giá vốn bán điện	20.691.815.362	15.046.617.144

**19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
	VND	VND
Lãi bán trả chậm	945.694.641	532.666.667
Lãi tiền gửi và cho vay	506.653.637	850.669.183
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	4.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	6.686.253
	1.452.348.278	5.890.022.103

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017	30.6.2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	654.887.297	890.194.959
Chi phí vật liệu quản lý	27.851.823	26.170.573
Chi phí khấu hao	77.524.727	92.060.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.508.469	8.824.494
Chi phí khác	786.419.313	762.536.075
	1.552.191.629	1.779.786.707

**21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Đối với dự án thủy điện H’Chan, Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với dự án thủy điện H’Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2016: 20%) như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b>	<b>30.6.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.955.692.377	22.526.996.417
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	466.015.234	610.420.094
Thu nhập tính thuế ước tính:		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	25.062.114.266	10.443.194.814
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	27.413.898.704	7.663.555.035
Thu nhập khác	945.694.641	5.030.666.662
Chi phí thuế TNDN:		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	2.506.211.427	1.044.319.481
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	5.482.779.741	1.532.711.007
Thu nhập khác	189.138.928	1.006.133.333
Thuế được miễn giảm:		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	(1.253.105.714)	(522.159.741)
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	(2.741.389.870)	(766.355.504)
Chi phí thuế TNDN (*)	4.183.634.512	2.294.648.576
Chi phí ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN hiện hành	4.183.634.512	2.294.648.576
Thuế TNDN hoãn lại	-	-
	<u>4.183.634.512</u>	<u>2.294.648.576</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**22 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b> VND	<b>30.6.2016</b> VND
Chi phí khấu hao	11.157.826.308	11.100.284.160
Chi phí nhân viên	4.036.520.299	2.723.531.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.068.473	120.391.151
Chi phí nguyên vật liệu	179.413.330	96.775.911
Khác	6.762.178.581	2.785.420.930
	<u>22.244.006.991</u>	<u>16.826.403.851</u>

**23 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do chiếm 58,14% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan.

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
			<b>30.6.2017</b> VND	<b>30.6.2016</b> VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	11.919.364.000	2.979.841.000
		Doanh thu bán hàng và dịch vụ	40.745.295	73.574.977
		Mua hàng hóa và dịch vụ	474.304.142	1.066.398.173
		Chi phí được chi hộ	124.586.928	543.830.442
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đồng	Doanh thu bán điện	73.431.058.109	35.417.229.307
		Cổ tức đã công bố	600.000.000	150.000.000
		Mua điện	-	106.635.620
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Phát triển năng lượng Gia Lai	Công ty thành viên trong tập đoàn	Mua hàng hóa và dịch vụ	<u>28.854.955</u>	<u>-</u>

**23 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan khác	Lãi bán hàng trả chậm	911.652.974	532.666.667
		Chuyển nhượng khoảng đầu tư	-	49.500.000.000
		Ứng tiền mua hàng	-	20.000.000.000
			<hr/>	<hr/>
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	113.188.000	-
			<hr/>	<hr/>
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan khác	Lãi ứng trước tiền hàng	34.041.667	-
		Ứng trước tiền mua hàng	43.000.000.000	-
			<hr/>	<hr/>
<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>				
Lương và các quyền lợi gộp khác			505.167.619	880.627.484
			<hr/>	<hr/>

**(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan**

	30.6.2017 VND	1.1.2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	32.704.612.421	45.576.299.046
<hr/>		
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	43.000.000.000	-
<hr/>		
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	44.819.825	76.456.615
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	43.369.491.225
<hr/>		
	44.819.825	43.445.947.840
<hr/>		
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 9)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	439.200.000	749.130.000
<hr/>		

**23 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.6.2017 VND	1.1.2017 VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 11)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	12.024.467.709	26.265.125.800
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	600.000.000	1.320.000.000
	12.624.467.709	27.585.125.800
	12.624.467.709	27.585.125.800

**24 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**25 NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Thông tư 200, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa có hướng dẫn từ cơ quan chức năng về dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**26 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Giám đốc duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2017.



Võ Thị Tuyết Điệp  
Kế toán trưởng/Người lập



Trịnh Vinh Thanh  
Giám đốc